

Quyết định Giám đốc thẩm

Số: 200/2022/DS-GĐT

Ngày: 22/8/2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chánh án - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Châu

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Lê Thành Văn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựa - Thẩm tra viên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phùng Công M1, sinh năm 1958;

1.2. Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 32 Phan Bội Châu, Phường 1, thành phố K1, tỉnh K2.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1946.

Địa chỉ: 34 Phan Bội Châu, Phường 1, thành phố K1, tỉnh K2.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1948

Địa chỉ: 34 Phan Bội Châu, Phường 1, thành phố K1, tỉnh K2.

3.2. Bà Nguyễn Thị Hải T3, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 34 Phan Bội Châu, Phường 1, thành phố K1, tỉnh K2.

3.3. Công an tỉnh K2

Địa chỉ: Số 4 Trần Bình Trọng, Phường 5, thành phố K1, tỉnh K2.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T4 – Phó Trưởng phòng Hậu cần.

3.4. Ủy ban nhân dân thành phố K1, tỉnh K2.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T5, Phó trưởng phòng – Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố K1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phùng Công M1, bà Hoàng Thị N1 trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Theo Quyết định số 455/QĐ-UB ngày 25/9/1989 và Văn bản số 3152/UB ngày 19/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh K2 thì gia đình ông bà được sử dụng 145m² đất tại số 12 Phan Bội Châu, Phường 1, thành phố K1, tỉnh K2. Lô đất có tứ cận: phía Đông giáp Khu cầu đường, phía Tây giáp đường Phan Bội Châu, phía Nam giáp phần đất còn lại của nhà đất số 12 Phan Bội Châu, phía Bắc giáp lô đất Số 2. Sau khi nhận đất, ông bà đã xây dựng nhà, nhưng có chừa lại phần đất phía Đông vì trên đất có chuồng gia súc của đội an ninh do ông Phùng Công T1 đang mượn để chăn nuôi. Ông T1 thỏa thuận với ông bà, khi nào gia đình ông bà có nhu cầu sử dụng thì sẽ trả đất nhưng cho đến nay ông T1 chưa trả. Ông T1 còn kê khai, đăng ký để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Do đó, ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 trả lại diện tích đất đang sử dụng ở vị trí số 3 theo họa đồ đo vẽ ngày 29/8/2016 có diện tích 28,53m². Căn cứ ông bà tranh chấp quyền sử dụng đất với ông T1 là hai quyết định nêu trên và Quyết định số 415/QĐ-UB ngày 25/6/1992, Tờ trình số 1411/TT-UB ngày 17/6/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh K2.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân T1 trình bày như sau:

Ông Phùng Công M1 và bà Hoàng Thị N1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp. Ông M1, bà N1 cũng không sử dụng phần đất này. Các quyết định, văn bản mà ông M1, bà N1 cung cấp để làm căn cứ để khởi kiện đã không còn hiệu lực. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của Công an tỉnh K2 cho phép gia đình ông sử dụng từ năm 1987 cho đến nay. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T2 trình bày như sau:

Bà là vợ của ông T1. Bà cho rằng ông M1, bà N1 khởi kiện không có căn cứ pháp luật vì phần đất tranh chấp không thuộc quyền sử dụng của ông M1, bà N1. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hải T3 trình bày như sau:

Bà là con của ông T1. Bà cho rằng ông M1, bà N1 khởi kiện không có căn cứ pháp luật vì phần đất tranh chấp không thuộc quyền sử dụng của ông M1, bà N1. Các quyết định, văn bản mà ông M1, bà N1 cung cấp để làm căn cứ để khởi kiện ông T1 đã không còn hiệu lực. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công an tỉnh K2, do ông Nguyễn Hữu T4 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Phần đất tranh chấp nằm trong tổng diện tích đất do Công an tỉnh K2 tiếp quản từ năm 1975 thuộc diện nhà vắng chủ. Năm 1989, Ủy ban nhân dân tỉnh K2 thu hồi một phần đất để cấp cho 08 hộ xây nhà ở. Tại Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 25/6/1992, Ủy ban nhân dân tỉnh K2 đã thu hồi và vô hiệu hóa các quyết định cho phép sử dụng đất tại số 12 Phan Bội Châu do đất thuộc danh mục đất an ninh. Nhưng trên thực tế hiện nay vẫn còn 05 hộ đang sử dụng đất trong đó có gia đình ông M1, ông T1. Ngày 13/11/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh K2 ban hành Quyết định số 3080/QĐ-UBND để thu hồi diện tích 318m² đất, trong đó hộ ông M1 bị thu hồi 202,2m². Tại Quyết định trên không thu hồi diện tích đất đang tranh chấp. Diện tích đất tranh chấp không thuộc quyền quản lý của Công an tỉnh K2 nên Công an tỉnh K2 không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân thành phố K1, tỉnh K2 do ông Nguyễn Đức T5 đại diện trình bày:

Năm 1989, Ủy ban nhân dân tỉnh K2 ban hành quyết định số 455/QĐ-UB cho phép ông Phùng Công M1 được sử dụng 145m² đất để xây nhà; ban hành Quyết định số 696/QĐ-UB cho phép ông Nguyễn Xuân T1 được sử dụng 84m² đất để xây nhà. Đối chiếu họa đồ lô đất xây dựng nhà theo hai quyết định nêu trên với họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố K1 thiết lập ngày 29/8/2016 thì ranh giới, diện tích và kích thước của cả 02 lô đất cấp cho ông T1, ông M1 đều có biến động, kích thước các cạnh và diện tích tăng. Căn cứ ranh giới lô đất theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh K2 và hiện trạng sử dụng đất thì phần đất tranh chấp phù hợp với ranh giới theo Quyết định số 455 cấp cho ông M1. Đối với phần đất thừa, Ủy ban nhân dân thành phố K1 chưa cấp cho ai và đối với phần diện tích đất thừa so với quyết định cấp đất của Ủy ban nhân dân tỉnh K2 các bên chưa đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 16/4/2020, Tòa án nhân dân thành phố K1, tỉnh K2 quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Công M1, bà Hoàng Thị N1 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân T1.

Xác định diện tích 28,53m² (vị trí số 3) theo Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố K1 thiết lập ngày

29/8/2016, tại địa chỉ số 12 Phan Bội Châu, Phường 1, thành phố K1 thuộc quyền sử dụng của ông Phùng Công M1 (có họa đồ kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Xuân T1, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị Hải T3 giao trả lại diện tích $28,53m^2$ (vị trí số 3) theo Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố K1 thiết lập ngày 29/8/2016, tại địa chỉ số 12 Phan Bội Châu, Phường 1, thành phố K1 cho hộ ông Phùng Công M1.

Hộ ông Phùng Công M1 được sở hữu cây chanh trên đất nêu trên và có nghĩa vụ thanh toán lại cho hộ ông T1 185.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/4/2020, ông Nguyễn Xuân T1 kháng cáo không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 142/2021/DS-PT ngày 30/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh K2 quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân T1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố K1, tỉnh K2.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Công M1, bà Hoàng Thị N1 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân T1.

Xác định diện tích $28,53m^2$ (vị trí số 3) theo Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố K1 thiết lập ngày 29/8/2016, tại địa chỉ số 12 Phan Bội Châu, Phường 1, thành phố K1 thuộc quyền sử dụng của ông Phùng Công M1 (có họa đồ kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Xuân T1, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị Hải T3 giao trả lại diện tích $28,53m^2$ (vị trí số 3) theo Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố K1 thiết lập ngày 29/8/2016, tại địa chỉ số 12 Phan Bội Châu, Phường 1, thành phố K1 cho hộ ông Phùng Công M1.

Hộ ông Phùng Công M1 và bà Hoàng Thị N1 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích $28,53m^2$ (vị trí số 3) theo Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố K1 thiết lập ngày 29/8/2016, tại địa chỉ số 12 Phan Bội Châu, Phường 1, thành phố K1 theo quy định của pháp luật.

Hộ ông Phùng Công M1 được sử dụng cây chanh trên diện tích đất $28,53m^2$ (vị trí số 3) theo Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố K1 thiết lập ngày 29/8/2016, tại địa chỉ số 12

Phan Bội Châu, Phường 1, thành phố K1 và có nghĩa vụ thanh toán cho hộ ông Nguyễn Xuân T1 185.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án, hiệu lực của bản án.

Ngày 23/02/2022, ông Nguyễn Xuân T1 có đơn đề nghị kháng nghị bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 52/2022/KN-DS ngày 14/6/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 142/2021/DS-PT ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh K2; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố K1, tỉnh K2; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố K1, tỉnh K2 xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, nguồn gốc phần đất tranh chấp có diện tích 28,53m² tại Phường 1, thành phố K1, tỉnh K2 nằm trong tổng diện tích 5.840m² đất mang biển số 12 Phan Bội Châu thuộc diện nhà vắng chủ do Nhà nước quản lý. Từ năm 1975, Nhà đất số 12 Phan Bội Châu do Công an tỉnh K2 trực tiếp quản lý, sử dụng. Năm 1989, Ủy ban nhân dân tỉnh K2 thu hồi một phần diện tích đất thuộc khuôn viên Nhà đất số 12 nêu trên để giao cho 09 hộ dân sử dụng theo các quyết định cho phép sử dụng đất để xây dựng nhà ở, trong đó hộ ông Phùng Công M1 được sử dụng 145m² theo quyết định số 455/QĐ-UB ngày 25/9/1989 (BL: 155), hộ ông Nguyễn Xuân T1 được sử dụng 84m² theo quyết định số 696/QĐ-UB ngày 14/12/1989 (BL:98).

[2]. Ngày 25/6/1992, Ủy ban nhân dân tỉnh K2 đã ban hành Quyết định số 415/QĐ-UB để thu hồi và vô hiệu hóa các quyết định cho phép sử dụng đất để xây dựng nhà ở tại khu vực Nhà đất số 12 Phan Bội Châu, trong đó có quyết định số 455 và 696 nêu trên. Tại Công văn số 5840/UBND-NC ngày 14/10/2019, Ủy ban nhân dân thành phố K1 đã khẳng định hiện nay quyết định số 455 và 696 không còn hiệu lực, không còn quyết định nào khác về việc giao đất cho hộ ông M1 tại địa chỉ 12 Phan Bội Châu. Nhưng thực tế, hộ ông M1, ông T1 (và 03 hộ dân khác) đã xây dựng nhà, sinh sống tại khu vực Nhà số 12 Phan Bội Châu cho đến nay. Hộ ông M1, ông T1 đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3]. Tại Tờ trình số 1411/TT-UB ngày 17/6/2004, Ủy ban nhân dân Thành phố K1 trình Ủy ban nhân dân tỉnh K2 phê duyệt phương án sử dụng đất tại khu vực Nhà số 12 Phan Bội Châu, có nội dung: 04 hộ dân (trong đó có hộ ông M1, ông T1) đang sử dụng đất phù hợp với họa đồ phân lô năm 1989 và phù hợp với quy hoạch chung của thành phố đến năm 2020 (BL: 64). Tại Công văn số 3152/UB ngày 19/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh K2 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở xây dựng, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố K1, có nội dung: Đối với diện tích của 04 hộ (trong đó có ông T1, ông M1) tiếp tục sử dụng đất theo quy hoạch phân lô năm 1989 và theo phương án đề xuất của Ủy ban nhân dân thành phố K1 tại văn bản số 1411. Ủy ban nhân dân thành phố K1 xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho các hộ nêu trên (BL: 154). Tuy nhiên, tại Công văn số 592/STNMT-TTr ngày 17/4/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K2 xác định công văn số 3152 nêu trên là văn bản hành chính trong nội bộ cơ quan Nhà nước để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan nhà nước, không có giá trị công nhận hay cho phép sử dụng đất.

[4]. Như vậy, Quyết định số 455/QĐ-UB ngày 25/9/1989 của Ủy ban nhân dân tỉnh K2, về việc giao đất cho ông M1 đã bị thu hồi, vô hiệu hóa; Tờ trình số 1411/TT-UB ngày 17/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố K1 trình Ủy ban nhân dân tỉnh K2 và Công văn số 3152/UB ngày 19/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh K2 chỉ là văn bản hành chính trong nội bộ cơ quan nhà nước và các văn bản này được ban hành từ năm 2004. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào các quyết định, văn bản nêu trên để xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông M1, bà N1 là không có căn cứ.

[5]. Trong Quyết định số 415/QĐ-UB ngày 25/6/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh K2 (quyết định thu hồi và vô hiệu hóa các quyết định cho phép sử dụng đất để xây dựng nhà ở tại khu vực Nhà đất số 12 Phan Bội Châu) có nội dung *“Nay xác định lại toàn bộ quỹ nhà và đất thuộc khuôn viên nhà đất mang biển số 12 Phan Bội Châu, Phường 1, Đà Lạt thuộc sở hữu Nhà nước; giao Công an tỉnh K2 quản lý và sử dụng phù hợp với quy hoạch chung của thành phố K1”*. Ngày 12/10/2002, Công an tỉnh K2 có văn bản số 412/PV11 (PH12) về việc đồng ý giao lại diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K2 cấp cho các hộ dân vào năm 1989 để Ủy ban nhân dân tỉnh K2 quyết định (BL:87). Như vậy, có cơ sở xác định phần đất ông M1 và ông T1 đang sử dụng theo các quyết định cấp đất trước đây và phần đất tranh chấp vẫn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, do Ủy ban nhân dân tỉnh K2 quản lý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cần đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh K2 có ý kiến cụ thể về việc, hiện nay phần đất tranh chấp có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không; điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào; ông M1 và ông T1 có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không; cần phải đưa Ủy ban nhân dân tỉnh K2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, từ đó mới có cơ sở giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

[6]. Khi có căn cứ xác định ông M1 và ông T1 đều đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Tòa án cần thực hiện việc áp ranh họa đồ phân lô đất năm 1989 với hiện trạng khu đất các bên đang sử dụng thực tế để xác định vị trí đất tranh chấp có nằm trong diện tích đất các bên được giao theo quyết định năm 1989 của Ủy ban nhân dân tỉnh K2 hay không. Bởi lẽ, theo họa đồ phân lô xây dựng nhà ngày 30/10/1989 (tỷ lệ 1/500) thì phía Đông các lô đất đều giáp đường thông hành rồi mới tới khu Cầu đường (BL: 62), còn theo họa đồ phân lô đất xây dựng nhà ở ngày 14/9/1989 (tỷ lệ 1/1000) thì phía Đông các lô đất đều giáp khu Cầu Đường (BL: 176). Như vậy, do hai họa đồ có tỷ lệ khác nhau nên phần đất giáp cạnh phía Đông của các lô đất thể hiện trên hai họa đồ có sự khác nhau. Do đó, Tòa án chỉ căn cứ vào Công văn số 7911/UBND-NC ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố K1 để cho rằng phần đất tranh chấp nằm trong ranh giới theo quyết định 455 cấp cho ông M1 là chưa đủ cơ sở. Mặt khác, tại Báo cáo số 176/BC/XD-QLN ngày 31/3/2003 của Sở xây dựng tỉnh K2 xác định, việc sử dụng đất của các hộ dân hiện không phù hợp với quy hoạch phân lô cũng như quyết định giao đất trước đây (BL: 68, 69); tại Báo cáo số 1591/BC-TNMT ngày 15/12/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố K1 và bản khai của ông Võ Ngọc Trình - đại diện Ủy ban nhân dân Thành phố K1 xác định, ranh giới, diện tích và kích thước của 02 lô đất cấp cho ông M1, ông T1 đều có biến động, kích thước các cạnh và diện tích lô đất đều tăng so với kích thước cạnh và diện tích trên quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Vì vậy, Tòa án cũng cần phải xác minh làm rõ lý do vì sao diện tích đất của ông M1 và ông T1 đều tăng so với các quyết định cấp đất trước đây, nguồn gốc phần đất tăng thêm là từ đâu, để từ đó giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337; Điều 342; Điều 343; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng nghị số 52/2022/KN-DS ngày 14/6/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 142/2021/DS-PT ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh K2 và Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố K1, tỉnh K2, xét xử vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn là ông Phùng Công M1, bà Hoàng Thị N1 với bị đơn là ông Nguyễn Xuân T1.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố K1, tỉnh K2 giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định ./.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh K2;
- TAND thành phố K1 (kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục THADS thành phố K1;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP-VP, Phòng GDKT II, HS; THS (NL).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Châu